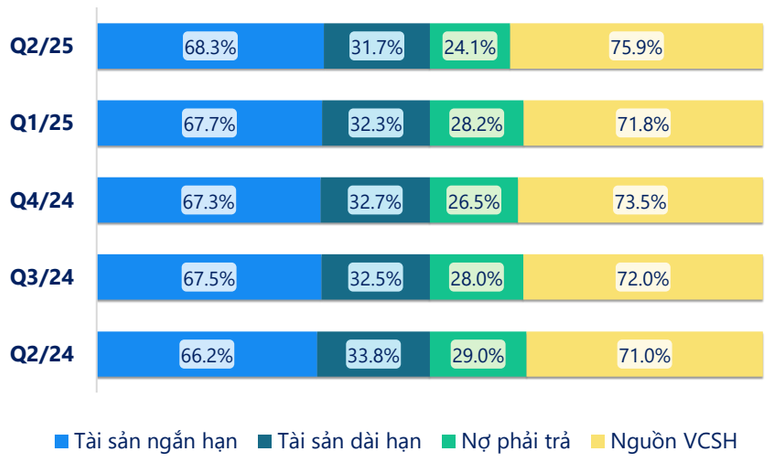
FireAnt

CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	59,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	71,609
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,279
SL cổ phiếu LH	224,453,159
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,175,135
% sở hữu nước ngoài	19.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,400
P/E	9.2
EPS	6,477

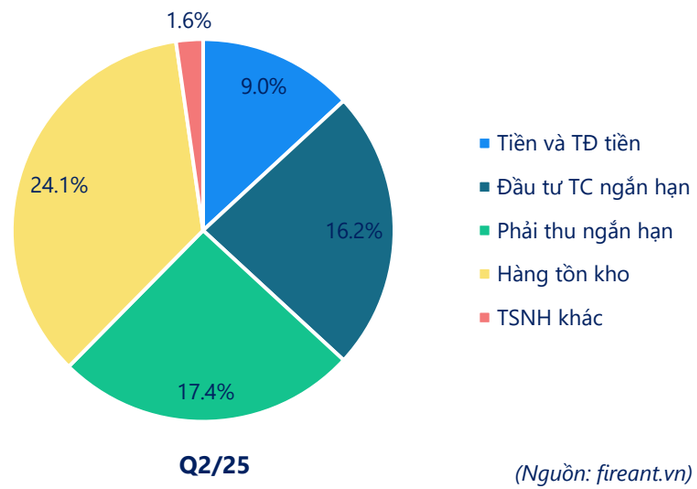
	YTD	1T	3T	6T
VHC	-13.1%	9.9%	-1.2%	-16.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



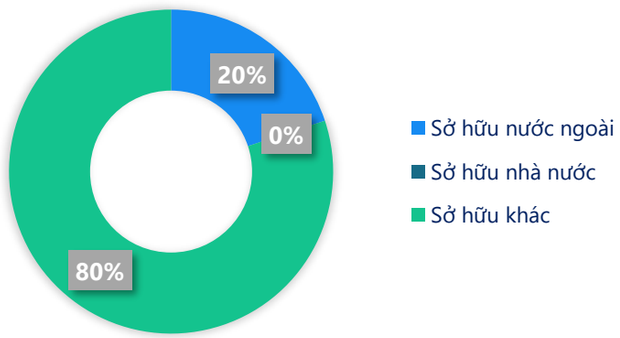
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



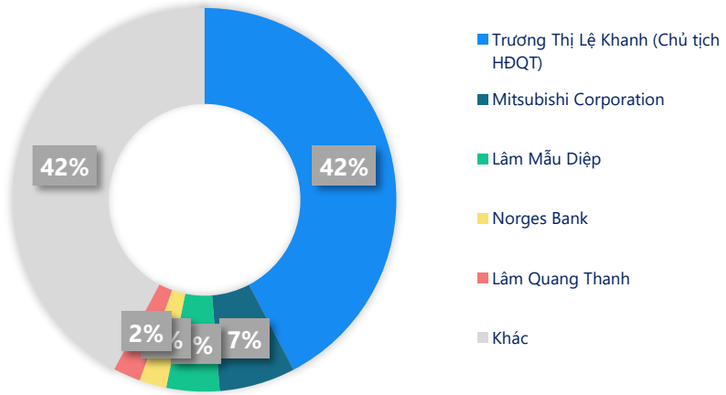
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



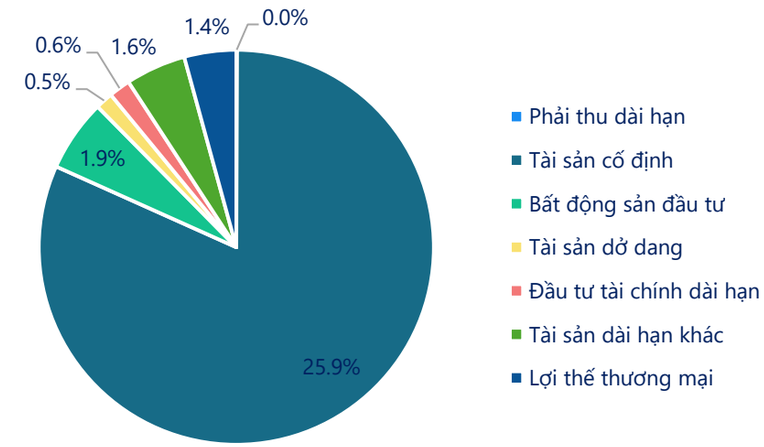
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

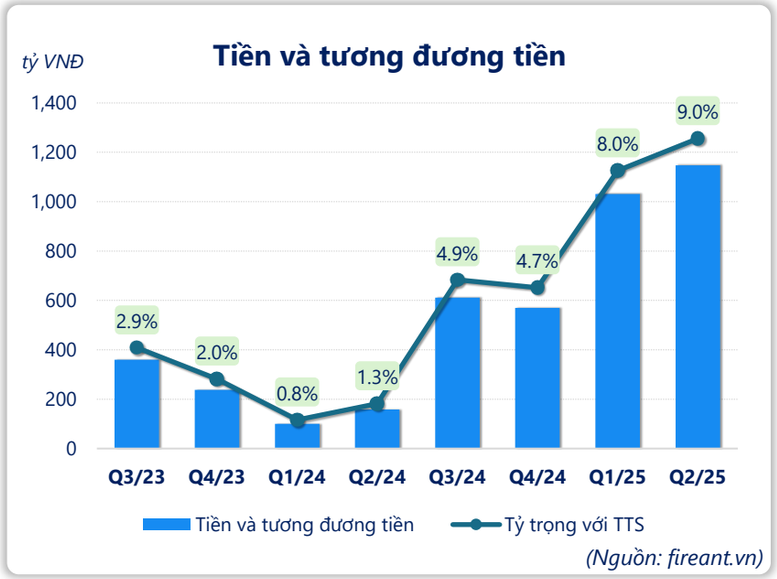
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



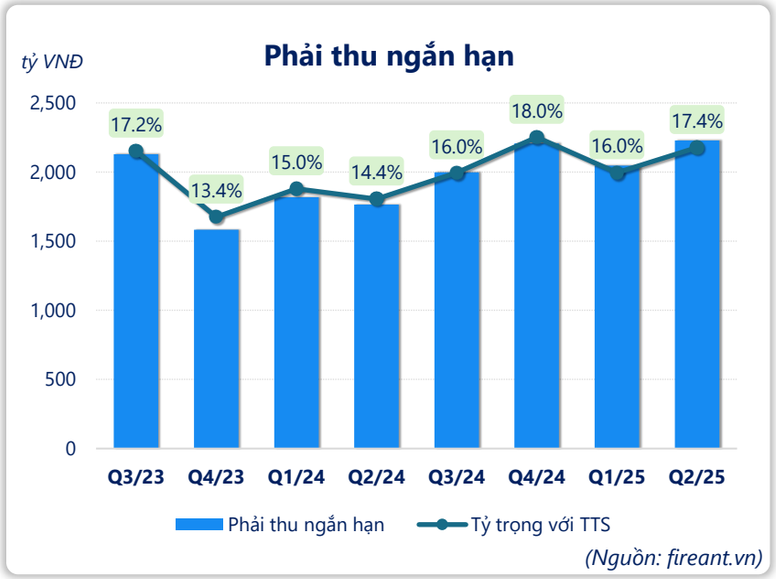
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

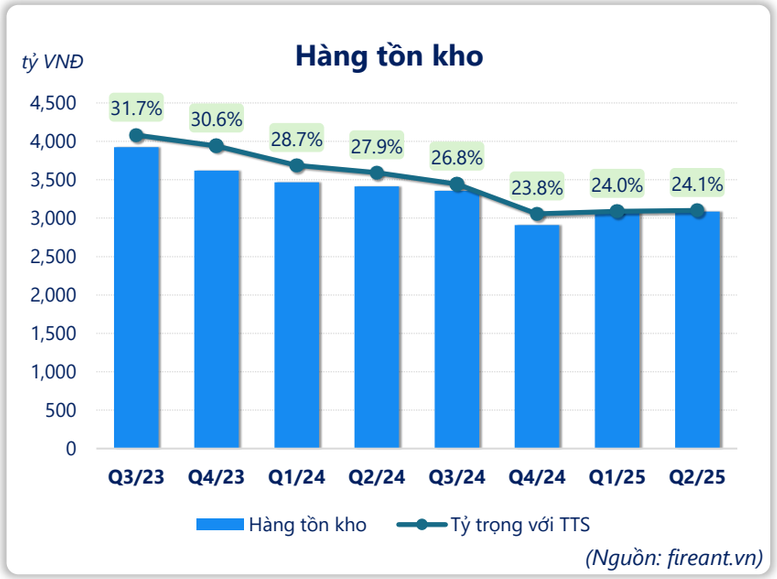
CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)



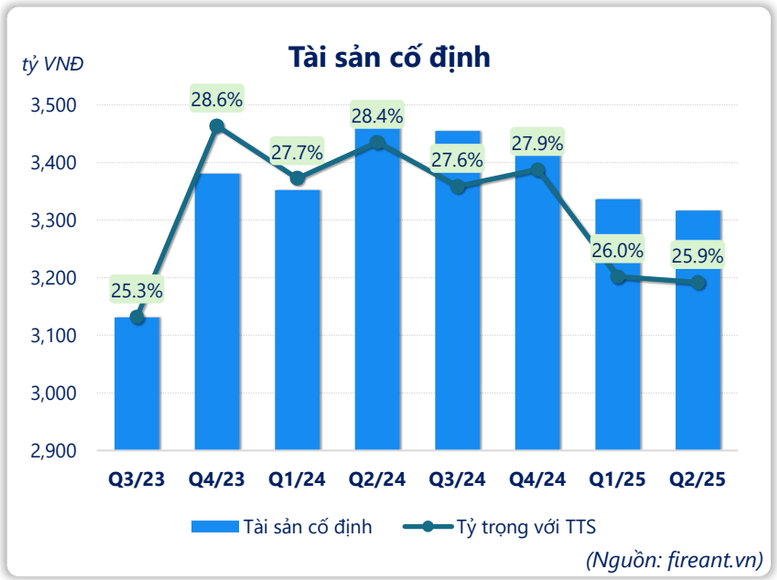
(Nguồn: fireant.vn)



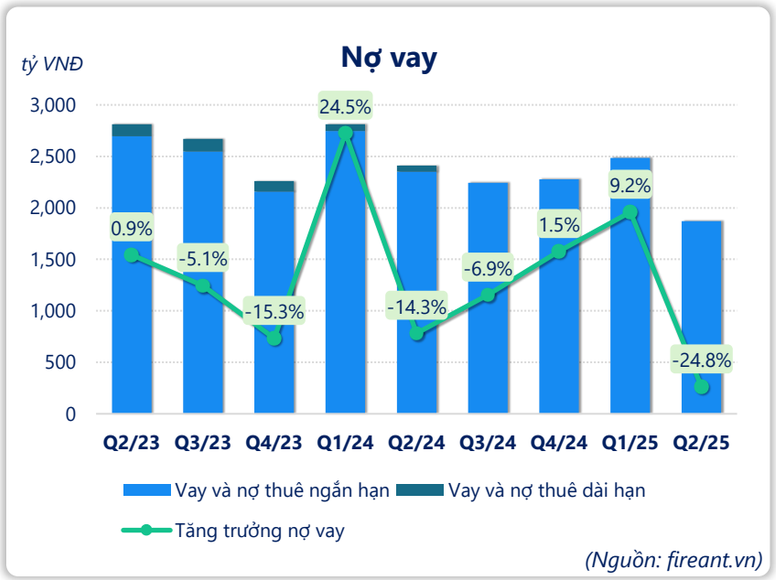
(Nguồn: fireant.vn)



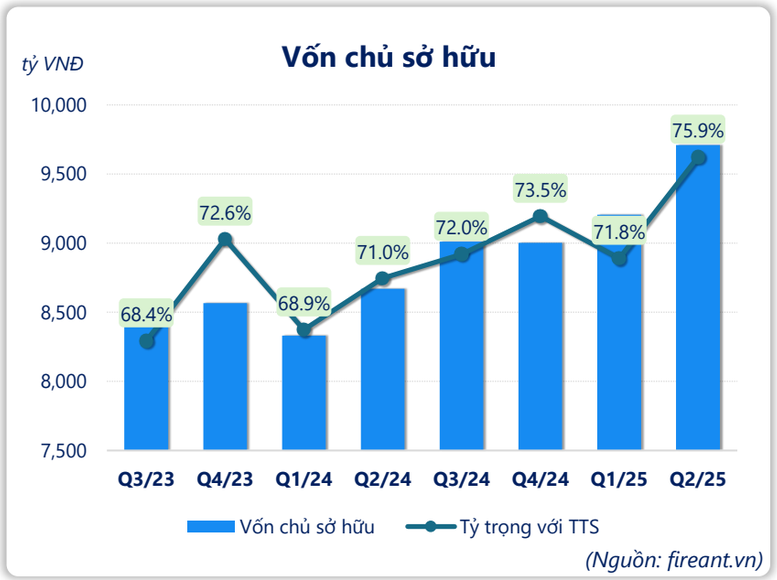
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

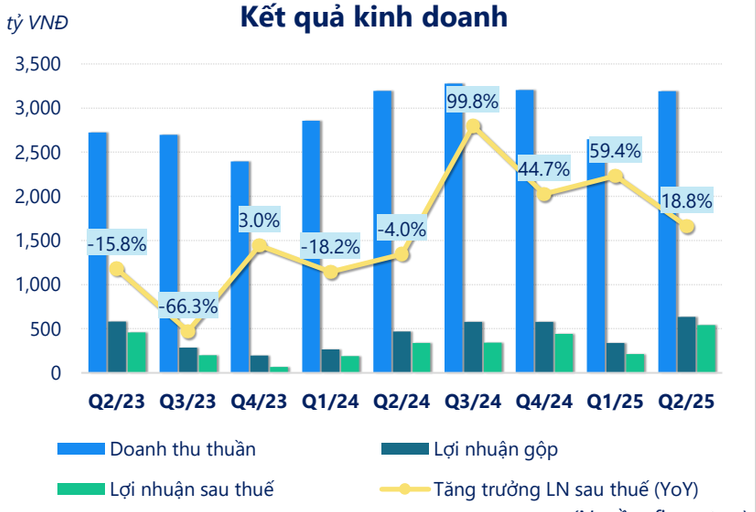


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

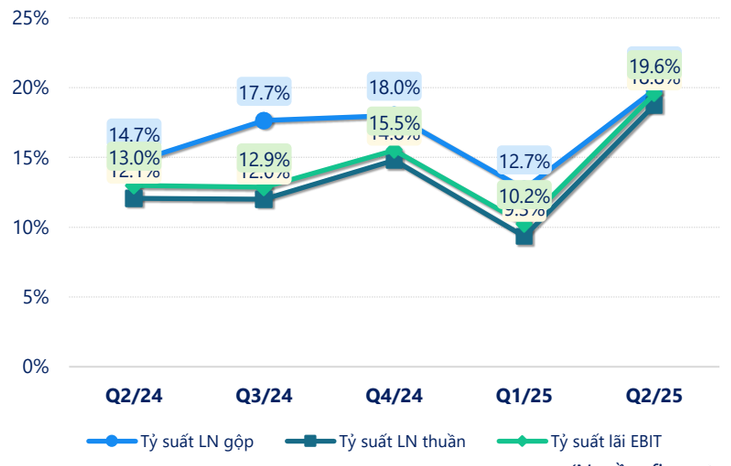
CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Kết quả kinh doanh



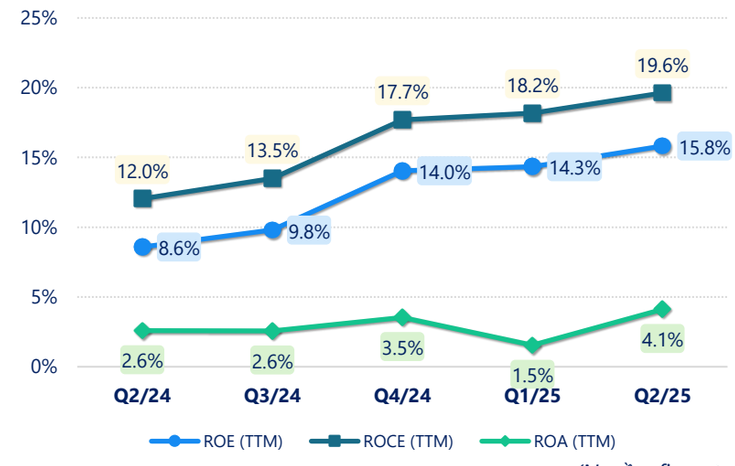
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



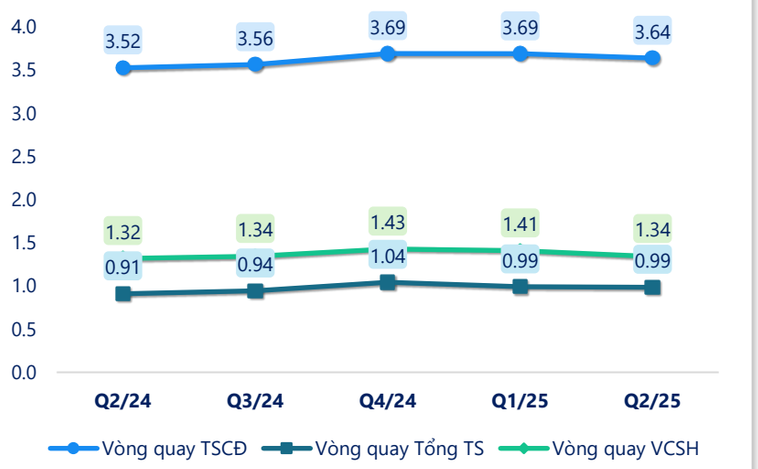
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



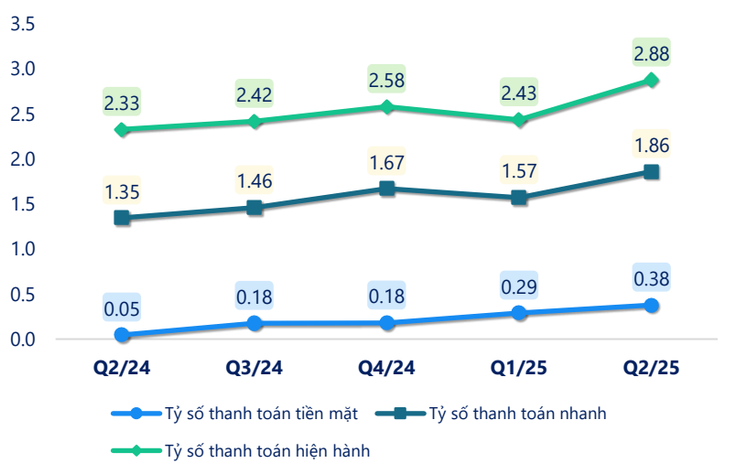
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



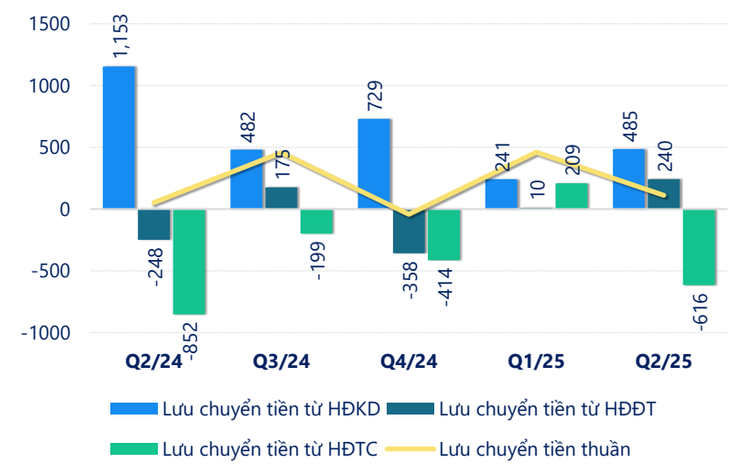
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,795**	**12,234**	**4.6%**
Tài sản ngắn hạn	8,733	8,238	6.0%
Tiền và tương đương tiền	1,148	570	101%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,072	2,340	-11.5%
Phải thu ngắn hạn	2,229	2,201	1.3%
Hàng tồn kho	3,086	2,915	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	199	213	-6.6%
Tài sản dài hạn	**4,062**	**3,996**	**1.7%**
Phải thu dài hạn	2.55	1.55	64.7%
Tài sản cố định	3,316	3,415	-2.9%
Bất động sản đầu tư	240	0	
Tài sản dở dang	58.1	109	-46.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.6	69.5	3.0%
Tài sản dài hạn khác	**201**	**210**	**-4.3%**
Lợi thế thương mại	173	190	-9.2%
Nợ phải trả	3,085	3,241	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**3,037**	**3,184**	**-4.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,870	2,277	-17.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	343	278	23.6%
Nợ dài hạn	48.9	56.9	-14.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,710**	**8,994**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**9,710**	**8,994**	**8.0%**
Vốn điều lệ	2,245	2,245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	3,196	3,278	3,206	2,648	3,192
Giá vốn hàng bán	2,727	2,699	2,628	2,311	2,559
Lợi nhuận gộp	469	579	578	337	633
Doanh thu HĐTC	117	56.3	148	89.7	112
Chi phí TC	56.9	80.9	49.8	57.1	4.51
Chi phí lãi vay	17.8	20.6	17.0	17.2	14.1
LN trong công ty LKLD	0.67	0.70	0.56	0.53	1.58
Chi phí bán hàng	71.0	89.8	64.1	52.5	62.4
Chi phí QLDN	72.7	71.1	138	70.5	81.3
LN thuần từ HĐKD	386	394	474	247	599
Lợi nhuận khác	11.8	7.78	6.10	6.77	11.4
LN trước thuế	398	402	481	254	610
Lợi nhuận sau thuế	340	341	441	211	539
LNST của CĐ cty mẹ	318	321	425	193	515

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,153	482	729	241	485
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-248	175	-358	10.2	240
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-852	-199	-414	209	-616
Tiền đầu kỳ	100	159	612	570	1,031
Lưu chuyển tiền thuần	**52.5**	**457**	**-42.9**	**460**	**110**
Ảnh hưởng tỷ giá	5.77	-3.95	1.11	0.66	6.57
Tiền cuối kỳ	159	612	570	1,031	1,148

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic